

THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ - VĂN HÓA HỘI AN QUA NHỮNG KHẢO CỨU CỦA A.SALLET

Võ Hồng Việt

Trong những thập niên đầu thế kỷ XX, vấn đề lịch sử, văn hóa Việt Nam được nhiều học giả người Pháp quan tâm nghiên cứu và đã có những công trình, chuyên khảo khá sâu sắc. Riêng, liên quan đến lịch sử, văn hóa Hội An, đáng quan tâm là những khảo cứu của A.Sallet đăng trên Những người bạn cố đô Huế, gọi tắt là BAVH như “*Hội An cổ*” trong tập VI, in năm 1919 và “*Tổ chim én: Những con én biển và tổ ăn được của chúng*” trong tập XVII, in năm 1930.¹

Trong “*Hội An cổ*”, A.Sallet đề cập đến những dấu tích văn hóa Champa ở Hội An như hai viên đá có chạm hình người nằm nghiêng hoặc trang trí hoa nằm trong khuôn viên Tòa sứ Hội An, nay là khách sạn Hội An; miếu Bà Lôi ở làng Sơn Phô. Về hai viên đá ở tòa sứ Hội An, A.Sallet dẫn lời miêu tả của Panmentier như sau:

“... Một trong hai viên có thể là mảnh vụn của một cái đế: Nó có hình đàn bà nằm nghiêng trên một chỗ, có thể là một chiếc giường, trong tư thế khá đẹp, nhưng tiếc thay đã mòn (kích thước 0m58 x 0m65 x 0m35).

Viên thứ 2 là một đoạn của nền đền đài, có một diềm trang trí hình đẹp, vẽ

trên mặt phẳng và một cuốn nhiều hoa nhỏ Chàm, vẽ rất đặc biệt (kích thước 0m44 x 0m60 x 0m75)”

Về miếu bà Lôi ở Sơn Phô, A.Sallet chép:

“*Cái chùa này đối xứng một chùa thờ Âm Hồn. Cả hai đều ở trên con đường mở về hướng Ngọ, sau đó là tường của đồn lính bản xứ và cách cánh đồng độ 30m là mộ của cha Sara [Sana] mà chúng tôi sẽ nói sau.*

Đó là cái chùa cũ kỹ ít được chăm sóc, cái bàn thờ tòi tệ bằng gỗ đã phủ rêu, cửa ngoài xiêu vẹo. Tượng Bà Lôi thể thảm phủ miếng giẻ màu đỏ làm màn. Xung quanh bàn thờ có mấy dòng chữ Hán. Chỗ thờ là một pho tượng đá cỡ 0,25 đến 0,30 chiều cao được các nghệ sĩ An Nam dùng sơn và dầu láng để sửa lại khá quan. Tượng có cái đầu giống người của nhân vật do tài khéo léo của nghệ nhân và thân con thú.”

Liên quan đến dấu ấn văn hóa Nhật Bản, ngoài việc trích ghi chép của Christoforo Borri về chúa Nguyễn cho phép người Nhật lập khu phố riêng bên cạnh khu phố người Hoa ở thương cảng Hội An, Sallet còn mô tả chi tiết về lịch sử và kiến trúc di tích chùa Cầu, kiến trúc những ngôi mộ người Nhật ở Hội An.

¹ Bản in tiếng Việt do Đặng Như Tùng dịch, NXB Thuận Hóa xuất bản năm 1998



Hình ảnh chùa Cầu in trong Những người bạn cố đô Huế - 1919

Về chùa Cầu thì: “Cầu Nhật Bản, đối với người Âu, “chùa Cầu” là tên gọi của người bản xứ, còn nó chỉ được chỉ chính thức trong các văn bản và các giấy tờ bằng chữ Hán, cái tên Lai Viễn.

Đây là một cầu mái bọc, với nền móng và găm cầu bằng vôi gạch. Bên cạnh phía bắc có một công trình cao ở giữa suối, trên xây một chùa nhỏ. Hướng của cầu là đông - tây. Phần chính gồm một vòm giữa dài độ 3 mét và hai vòm hai bên.

Phần giữa có lát bằng ván hẹp trên một chiều dài 8 mét và chiều rộng 3 mét dùng làm đường đi chính. Hai bên có những đường đi phụ cao hơn, còn cạnh bắc để bao cái miếu.

Ở hai đầu cầu đều lát đá dài đến 4 mét và hết cả chiều rộng. Các cầu ấy dựa trên móng cầu gạch hẹp có thêm lối

đi qua hình vòm chia lại hai nhịp phụ. Phía sườn bắc xây cái miếu cũng khoảng cách cầu bằng con đường đi qua bằng gạch và ván hòm độ 1m50 chiều rộng và nó cũng có như phần chính của cầu một vòm giữa và hai nhịp hai bên. Chiều rộng của nó là 6 mét. Tất cả chân cầu đỡ cái nền của chùa. Kết cấu đặc biệt của đầu cầu và của chùa chỉ bằng gạch. Mặt vào và mặt ra hai bên có trang trí hình trái cây (những quả phật thủ, giống như một vài thứ đây cả bình phong không lồ của chùa bên cạnh gọi là chùa Bà Mụ).

Các đầu cầu có hai chỗ rào bằng gỗ nhọn, ở trong mỗi cái có một tượng linh vật hình như để bảo vệ cạnh góc cầu. Hướng về thành phố có nhiều tượng hình các con chó ngồi chồm hổm; về phía tây thì các con khỉ. Các tượng này bằng đất sét và không thể biết được nguồn gốc của nó cũng như ý nghĩa.

Thỉnh thoảng nó được che màn đỏ và thấp hương.

... ”

Trong thời kỳ thịnh vượng của thương cảng Hội An, nhiều giáo sĩ phương Tây đã đến Hội An truyền đạo và có người đã yên nghỉ tại Hội An như giáo sĩ Sana. Trong “*Hội An cổ*”, A.Sallet đã mô tả tương đối cụ thể ngôi mộ giáo sĩ Sana cùng mộ của đồ đệ giáo sĩ Sana và mộ một giáo sĩ phương Tây khác ở Sơn Phô.

“*Trong cụm dân cư ở Sơn Phô, về phía đông đồn lính khố xanh, người ta bắt gặp một thửa vườn trồng trọt có ba ngôi mộ nhìn bên ngoài là ba hình khối tổng hợp sỏi đá và vôi. Các ngôi mộ đặt theo hướng Nam - Bắc. Hai trong số đó là mộ chính nối nhau. Còn cái ở Nam không ghi gì còn lại nữa, cái kia là của cha Sân và ngôi mộ có biển đá đen mà người vô ý thức còn ác hơn cả nguy hại của thời gian, đã xóa vài góc làm mờ hay mất hẳn một số chữ.*

...

Hai ngôi mộ, mỗi cái đo được 2m70 chiều dài trên 1m30 chiều rộng, còn ngôi mộ không còn dấu tích là của một linh mục người Âu.

Cái mộ thứ ba kích thước nhỏ hơn, kê bên ngôi mộ của cha Sana, bên phải, chứa thi hài đồ đệ ông”

Thú vị hơn là những nội dung liên quan đến việc khai thác yến sào và tổ chim yến ở Hội An trong chuyên khảo “*Tổ chim én: Những con én biển và tổ ăn được của chúng*”. Trong chuyên khảo này, Sallet dành nhiều trang viết về cách

phân loại và giá cả của tổ yến trên thị trường Hội An, cách thức sơ chế tổ yến tại nhà Quảng Phước Xương, các hang yến ở Cù Lao Chàm và làng làm nghề khai thác yến sào - làng yến/yên xã ở Hội An.

Về hang yến, vào năm 1930, có 4 hang ở Cù Lao Chàm có chim yến đến làm tổ là hang Khô, hang Cả (*hang lớn*), hang Vò Vò (*hang con ong vò vẽ*) hang Tây (*hang ở phía Tây*). A.Sallet mô tả khá kỹ về các hang yến này. Ông viết: “*Hang đầu tiên (hang Cả) được coi là khó khăn do vị trí và sự bất tiện rất đặc biệt đối với người tìm tổ yến, nhưng tổ ở đây khá nhiều. Hang thứ hai là hang Vò Vò, cao và thoáng. Nó nổi tiếng vì nhiều tổ và tổ rất trắng, trắng hơn rất nhiều so với tổ ở hang khác. Người ta giải thích rằng sự kiện đó là do khoảng không rộng lớn trong hang, như thế tổ luôn được khô, không thể bị biến chất, luôn ở tình trạng tươi dễ nhận*”.

Sơ chế tổ chim yến là công việc tuy không vất vả nhưng đòi hỏi sự tỉ mỉ của người làm. A.Sallet mô tả về việc sơ chế tổ chim yến tại nhà Quảng Phước Xương ở Hội An như sau:

“*Một nhóm người làm công Việt Nam, ngôi xóm theo cách của họ thành vòng tròn chung quanh một ống tổ én do một chuyên thu hoạch mới đây ở Cù Lao Chàm mang lại. Với các dụng cụ nhỏ bằng tre hay sắt, kim hay móc, họ tầm tận đáy các mắt lưới của tổ, vẩy, móc ra không để bỏ sót các phế vật thấy được*”

Vào những thập niên đầu thế kỷ XX, tổ yến được giới thương nhân ở Hội

An phân thành 3 hạng chính là quan yến, thiên tự yến, địa tự yến. Ngoài ra còn có yến bài và yến huyết nhưng hiếm gặp. Sallet giải thích về tên gọi của mỗi loại tổ yến như sau:

- *Quan yến: Đó là tổ yến hạng nhất, chúng trắng một cách hoàn hảo, dày và lớn. Tên của chúng có nghĩa là tổ én của quan.*

- *Thiên tự yến: Chúng có cùng kích thước với quan yến nhưng ít trắng hơn. Đây là tổ én của chim thiên: trời.*

- *Địa tự yến: Đó là hạng thứ 3. Tổ màu gần vàng, chúng kém dày và nhỏ hơn về kích thước các loại trước. Tổ én của chim địa: đất.*

Yến bài và yến huyết do các con chim đã kiệt sức xây, có máu trộn lẫn trong nước bọt của chúng. Các tổ này hiếm, người ta cho chúng có những đặc tính quý giá về y học nhất là trong các bệnh lao và cảm nhiễm suy thoái - chúng có giá trị cao”

Giá bán tổ yến ở Hội An trong thời gian này tùy từng loại và kỳ khai thác. Loại yến quan kỳ I bán với giá 140 đồng/cân, nhưng kỳ II giảm còn 100đồng/cân, kỳ III còn 90đồng/cân. Tương tự với yến thiên là 100 đồng xuống còn 64 đồng một cân, yến địa là 70 đồng xuống còn 64 đồng rồi 58 đồng

một cân, yến bài là 70 đồng xuống còn 64 đồng một cân. Mặc dù yến huyết được xem có giá trị được học cao nhưng giá bán chỉ bằng yến thiên trong cùng kỳ I, 100 đồng một cân.

Khảo cứu của A. Sallet cho thấy việc quản lý và khai thác tổ chim yến ở Cù Lao Chàm nói riêng, ở miền Trung nói chung trong thế kỷ XIX chủ yếu do tộc Hồ ở làng Thanh Châu - Hội An nắm giữ. Nhưng từ những năm cuối thế kỷ XIX trở đi, việc quản lý và khai thác được chính quyền đương thời tổ chức đấu thầu. Năm Đồng Khánh 2, việc khai thác yến ở Quảng Nam và Bình Định do thương nhân người Hoa Hứa Xáng Ký độc quyền, hằng năm nộp 16.000 quan tiền. Từ năm 1910-1920 do thương nhân Tôn Xương Ký, người Hoa bang Hải Nam ở Hội An trung khai ở 3 tỉnh với số tiền là 15.600 quan hằng năm. Từ năm 1920-1930, cũng đều do các thương nhân người Hoa trung thu khai thác.

Những chuyên khảo của Sallet nói trên là nguồn tài liệu quý góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về lịch sử, văn hóa Hội An, đặc biệt là đối với nghề khai thác tổ chim yến - một nghề truyền thống đặc trưng ở Hội An, cung cấp mặt hàng xuất khẩu có giá trị đặc biệt tại thương cảng Hội An xưa♣



Hình ảnh chùa Cầu in trong Những người bàn cổ đô Huế - 1919

Heritage.net

nam”, mũ có đuôi dài 50cm, rộng tùy theo đầu lớn, nhỏ, bên ngoài bịt khăn và quần mũ dây rơm. Khi trong gia đình cha còn, mẹ mất hoặc ngược lại, con cháu trong nhà phải mặc áo có sớng lưng lật ra ngoài. Khi cha và mẹ đều mất thì sớng áo may vào trong.

Ngày xưa, con trai cả mặc áo dài có hai ống tay (*từ khủy tay ra may hai lớp*), ống tay trong trong nhỏ, ống tay ngoài rộng, bình thường xoắn ống tay ngoài lên, khi tiếp khách thả ống tay